

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2026/DS-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2026
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Thanh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2025/TLST-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2025, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2026/QĐST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Nguyễn Kim L, sinh ngày 15/10/1967; căn cước công dân số 086167010713; địa chỉ số C, đường N, phường T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

*** Bị đơn:** Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1979; địa chỉ số A, đường P, khóm B, phường T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Võ Trung G, sinh năm 1976; chứng minh nhân dân số 340827129; địa chỉ ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong các đơn khởi kiện ngày 25/9/2025, 27/10/2025 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Kim L trình bày:

Giữa bà với bà Nguyễn Thị Thu K là người hàng xóm với nhau, lúc cần tiền bà K có hỏi vay của bà số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) vào ngày

15/11/2019, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng; mục đích vay để mua đất; để đảm bảo khoản vay bà K có đưa cho bà giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 954516, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 53, diện tích 4.066,1m², tọa lạc ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do ông Võ Trung G đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà K đã đóng lãi được 4.000.000đ, chưa trả tiền gốc, nhưng tại phiên toà sơ thẩm bà L xác định số tiền đã nhận của bà K 4.000.000đ là tiền gốc. Sau đó, bà đã nhiều lần yêu cầu bà K thanh toán nhưng bà K hứa hẹn mà không thanh toán.

Xét thấy, bà K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, cho nên, bà yêu cầu Tòa án buộc bà K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền gốc 66.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn Nguyễn Thị Thu K** không có văn bản nêu ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

*** Tại biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu ngày 16/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Trung G trình bày:** Ông và bà K đã ly hôn từ ngày 13/5/2019 nên ông không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông G không có yêu cầu độc lập và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng vay đã ký kết, bị đơn có địa chỉ tại phường T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó đây là vụ án dân sự tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu K (là bị đơn không có yêu cầu phản tố), ông Võ Trung G (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà K, ông G.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ vào “Giấy mượn nợ ngày 15/11/2019” thể hiện bà Nguyễn Thị Thu K có vay của bà Nguyễn Kim L số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là có thật. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà K biết nhưng bà K không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật không cần phải chứng minh.

[4] Xét về hợp đồng vay cho thấy các bên không có thỏa thuận mức lãi suất, nhưng có thời hạn thanh toán, cho nên, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà L cho rằng có thỏa thuận lãi suất bằng miệng 2%/tháng và đã nhận được 4.000.000đ tiền lãi nhưng không được bà K thừa nhận, cho nên bà L cho rằng vay có lãi là không có căn cứ, cho nên, bà L được quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (hiện nay bằng 10%/năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Riêng số tiền 4.000.000đ được xem là bà K trả vào tiền gốc và tại phiên tòa bà L cũng đồng ý xác nhận số tiền 4.000.000đ đã nhận của bà K là tiền gốc, như vậy, số tiền gốc bà K còn nợ bà L bằng 66.000.000đ, cho nên bà L yêu cầu bà K trả 66.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Việc tính lãi như sau: $66.000.000đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 2.158 \text{ ngày}$ (16/6/2020 đến 14/5/2026) = 39.021.000đ.

[6] Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi còn lại bằng 105.021.000đ (trong đó tiền gốc 66.000.000đ, tiền lãi 39.021.000đ).

[7] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 954516, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 53, diện tích 4.066,1m², tọa lạc ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do ông Võ Trung G đứng tên. Xét thấy, việc bà L nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G là không đúng quy định của pháp luật, nhưng ông G không có yêu cầu xem xét. Tại phiên tòa bà L tự nguyện trả lại giấy quyền sử dụng đất cho ông G, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên bà K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5.251.000đ theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu K có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim L tổng số tiền gốc, lãi làm tròn bằng 105.021.000đ (Một trăm lẻ năm triệu không trăm hai mươi một ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 66.000.000đ, tiền lãi 39.021.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc trả lại cho ông Võ Trung G 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 954516, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 53, diện tích 4.066,1m², tọa lạc ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do ông Võ Trung G đứng tên.

2. Về án phí

Buộc bà Nguyễn Thị Thu K chịu 5.251.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim L được nhận lại 2.851.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi một ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0009773, ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND KV1-VL;
- Thi hành án DS tỉnh VL;
- Các đ/s;
- Lưu: Hồ sơ,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Tấn Thành